

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ
NGÀNH KẾ TOÁN - KHÓA K61**

Ban hành kèm theo quyết định số 1624/QĐ-ĐHTL ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Trường Đại học Thủy lợi

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn Quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
I	GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	GENERAL EDUCATION			31								
I.1	Lý luận chính trị	Political Subjects			13								
1	Pháp luật đại cương	General Law	GEL111	Những nguyên lý cơ bản CNMLN	2	2							
2	Triết học Mác - Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	MLP121	Những nguyên lý cơ bản CNMLN	3	3							
3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	MLPE222	Những nguyên lý cơ bản CNMLN	2		2						
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Science socialism	SCSO232	Những nguyên lý cơ bản CNMLN	2			2					
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	HCPV343	TTHCM&ĐLCM ĐCSVN	2				2				
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Thought	HCMT354	TTHCM&ĐLCM ĐCSVN	2					2			
I.2	Kỹ năng	Communication Skills			3								
7	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình	Communication and Presentation Skills	COPS111	Phát triển kỹ năng	3	3							
I.3	Khoa học tự nhiên và tin học	Natural Science & computer			9								
8	Toán cao cấp I	Advanced Mathematics 1	AM111	Toán học	2	2							
9	Toán cao cấp II	Advanced Mathematics 2	AM122	Toán học	2		2						
10	Tin học văn phòng	Microsoft Office	MO111	Tin học và kỹ thuật tính toán	3		3						
11	Nhập môn xác suất thống kê	Introduction to Probability and Statistics	MATH253	Toán học	2			2					
I.4	Tiếng Anh	English		Tiếng Anh	6								
12	Tiếng Anh 1	English 1	ENG213	Tiếng Anh	3			3					
13	Tiếng Anh 2	English 2	ENG224	Tiếng Anh	3				3				
I.5	Giáo dục quốc phòng	National Defence Education			165t	4*							
I.6	Giáo dục thể chất	Physical Education			5*	1*	1*	1*	1*	1*			
II	GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	PROFESSIONAL EDUCATION			99								
II.1	Kiến thức cơ sở khối ngành	Foundation Subjects			16								
14	Nguyên lý kinh tế vi mô	Principle of Microeconomics	ECON335	Kinh tế	3	3							
15	Nguyên lý kinh tế vĩ mô	Principle of Macroeconomics	ECON346	Kinh tế	3		3						
16	Pháp luật kinh tế	Economic Law	ELAW326	Kinh tế	2			2					

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn Quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
17	Nguyên lý thống kê	Principle of Statistics	POS214	Quản trị kinh doanh	3			3					
18	Marketing căn bản	Principles of Marketing	BUS360	Quản trị kinh doanh	3				3				
19	Quản trị học	Management	BACU101	Quản trị kinh doanh	2				2				
II.2	Cơ sở ngành	Core Subjects			12								
II.2.1	Kiến thức bắt buộc	Compulsory			8								
20	Tài chính - Tiền tệ	Basics of Money and Finance	ACC101	Kế toán	2	2							
21	Nguyên lý kế toán	Accounting Principles	ACC102	Kế toán	3		3						
22	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Financial Management	ACC103	Kế toán	3				3				
II.2.2	Kiến thức tự chọn	Elective Units			4					2	2		
23	Soạn thảo văn bản kinh doanh	Writing skills in Business	ACC104	Kế toán	2					2			
24	Văn hóa doanh nghiệp	Corporate Culture	BAEU305	Quản trị kinh doanh	2					2			
25	Đạo đức nghề nghiệp kế toán	Accounting Ethics	ACC105	Kế toán	2						2		
26	Kỹ năng đàm phán	Negotiation Skills	NS214	Phát triển kỹ năng	2						2		
II.3	Kiến thức ngành	Core Units			64								
II.3.1	Kiến thức bắt buộc	Compulsory			49								
27	Kế toán tài chính I	Financial Accounting 1	ACC201	Kế toán	3		3						
28	Kế toán tài chính II	Financial Accounting 2	ACC202	Kế toán	3			3					
29	Phát triển kỹ năng quản trị	Developing Management Skills	COS211	Phát triển kỹ năng	2			2					
30	Kiểm toán căn bản	Principles of Auditing	ACC303	Kế toán	3					3			
31	Kế toán quản trị I	Managerial Accounting 1	ACC401	Kế toán	3					3			
32	Hệ thống thông tin kế toán	Accounting Information System	ACC409	Kế toán	3					3			
33	Tài chính doanh nghiệp	Corporate Finance	ACC427	Kế toán	3					3			
34	Kế toán thuế	Tax Accounting	ACC302	Kế toán	3						3		
35	Tổ chức kế toán	Design of Accounting System	ACC406	Kế toán	3						3		
36	Kế toán quốc tế	International Accounting	ACC410	Kế toán	3						3		
37	Kế toán máy	Computerized Accounting	ACC411	Kế toán	3						3		
38	Kiểm soát nội bộ	Internal Controls	ACC414	Kế toán	2						2		
39	Phân tích báo cáo tài chính	Financial Statement Analysis	ACC407	Kế toán	3							3	
40	Kế toán quản trị II	Managerial Accounting II	ACC311	Kế toán	3							3	
41	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán	Accounting English	ACC713	Kế toán	3							3	
42	Quản trị tác nghiệp	Operating Management	BACU411	Quản trị kinh doanh	3							3	
43	Thực tập nghề nghiệp ngành Kế toán	Internship	ACC317	Kế toán	3							3	

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn Quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
II.3.2	Kiến thức tự chọn	Elective Units			15				6	4	2	3	
44	Kế toán doanh nghiệp thương mại và dịch vụ	Accounting for Commercial and Service Enterprise	ACC421	Kế toán	3				3				
45	Kế toán hành chính sự nghiệp	Accounting for Governmental and Non-Profit Organizations	ACC301	Kế toán	3				3				
46	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	Commercial banking	ACC416	Kế toán	3				3				
47	Kế toán ngân hàng thương mại	Accounting for Commercial Banking	ACC417	Kế toán	3				3				
48	Thị trường chứng khoán	Securities Market	ACC418	Kế toán	2					2			
49	Kế toán xuất nhập khẩu	Accounting for Import and Export Company	ACC422	Kế toán	2					2			
50	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	Financial management for government and non-profit organizations	ACC423	Kế toán	2					2			
51	Lý thuyết tổ chức	Organization Theory	BACU204	Quản trị kinh doanh	2					2			
52	Kế toán chi phí	Cost Accounting	ACC424	Kế toán	2					2			
53	Hợp nhất báo cáo tài chính	Consolidation of Financial Statements	ACC425	Kế toán	2					2			
54	Tín dụng và thanh toán	Loan and payment	ACC426	Kế toán	2					2			
55	Định mức - Đơn giá - Dự toán	Norm-Price-Cost Estimate	PCE316	Quản lý xây dựng	2						2		
56	Quản trị doanh nghiệp xây dựng	Business administrations of construction enterprises	ECON427	Quản lý xây dựng	2						2		
57	Hợp đồng và đấu thầu xây dựng	Construction Contract and bidding management	CON367	Quản lý xây dựng	2						2		
58	Kinh tế xây dựng I	Construction Economics I	CECON316	Quản lý xây dựng	2						2		
59	Pháp luật xây dựng	Legal enviroment in Construction	LAWC315	Quản lý xây dựng	2						2		
51	Khởi nghiệp	Business Startup	BAEU201	Quản trị kinh doanh	2						2		
60	Kế toán doanh nghiệp xây dựng	Accounting for Construction Company	ACC415	Kế toán	3							3	
61	Kiểm toán báo cáo tài chính	Financial Audit	ACC419	Kế toán	3							3	
62	Kiểm toán nội bộ	Internal Audit	ACC420	Kế toán	3							3	
II.4	Học phần tốt nghiệp	Graduation Units			7								7
	Tổng cộng (I + II)	Total			130	15	16	17	19	20	18	18	7